

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày: 18-6-2024

“Về tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng.

Ông Thạch Khêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N;**

Trụ sở: 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Văn T;** Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng G, đại diện theo ủy quyền (Có mặt);

Địa chỉ: Số E, N, khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị **Triệu Thanh T1,** sinh năm 1995 (Vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Triệu Phát S**, sinh năm 1972 (Vắng mặt không có lý do);

2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1974 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào ngày 23/6/2022 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T có cho chị Triệu Thanh T1, ông Triệu Phát S và bà Nguyễn Thị Ngọc D vay số tiền 200.000.000 đồng do chị Triệu Thanh T1 ký hợp đồng tín dụng, tại hợp đồng số 7404-LAV-202202228, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 11 tháng, trả lãi theo kỳ gốc, mục đích cho vay vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh và nhu cầu đời sống, hạn trả là 23/5/2023. Để đảm bảo khoản vay bên vay có giao cho Ngân hàng giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

Từ khi vay cho đến nay bên vay không đóng lãi chưa trả vốn gốc cho Ngân hàng. Khi đến hạn Ngân hàng nhiều lần yêu bên vay thực hiện nghĩa trả nợ bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị Triệu Thanh T1, ông Triệu Phát S và bà Nguyễn Thị Ngọc D trả tổng số tiền 252.573.271 đồng (trong đó vốn gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.301.370 đồng, lãi quá 32.301.370 đồng và tiền chậm trả lãi là 1.970.531 đồng) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

- *Bị đơn chị Triệu Thanh T1 vắng mặt không có lời trình bày.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Phát S vắng mặt nhưng theo bản khai ngày 28/3/2024 thể hiện:* Gia đình ông có vay của Ngân hàng số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, hiện chưa trả nợ, ông đồng ý cùng chị Triệu Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc D trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:* Vào ngày 23/6/2022 con của bà là Triệu Thanh T1 có đại diện gia đình vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, tại hợp đồng số 7404-LAV-202202228, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 11 tháng, trả lãi theo kỳ gốc, mục đích vay vốn để phục

vụ hoạt động kinh và nhu cầu đời sống, hạn trả là 23/5/2023. Để đảm bảo khoản vay gia đình bà có giao cho Ngân hàng giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do chồng bà là ông T2 phát S đứng tên trên giấy chứng nhận.

Nay Ngân hàng yêu cầu trả tổng số tiền 252.573.271 đồng (trong đó vốn gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.301.370 đồng, lãi quá hạn 32.301.370 đồng và tiền chậm trả lãi là 1.970.531 đồng) và lãi suất phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ thì bà đồng ý. Vì hiện tại con bà là Triệu Thanh T1 đang bị bệnh nặng nên gia đình gặp khó khăn không có tiền đóng lãi và trả vốn gốc cho Ngân hàng.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Triệu Phát S thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, từ khi vay cho đến nay chưa đóng lãi và chưa trả vốn gốc được khoản nào. Bà D và ông S đồng ý cùng chị Triệu Thanh T1 trả số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất pháp sinh theo hợp đồng tín dụng.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Triệu Thanh T1, ông Triệu Phát S và bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả Ngân hàng tổng số tiền là 252.573.271 đồng (trong đó vốn gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.301.370 đồng, lãi quá hạn 32.301.370 đồng và tiền chậm trả lãi là 1.970.531 đồng) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chị Triệu Thanh T1, ông Triệu Phát S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vay vốn gốc 200.000.000 đồng khi vay tiền các bên có thành lập hợp đồng và có chứng thực, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Triệu Thanh T1, ông Triệu Phát S và bà Nguyễn Thị Ngọc D trả số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng. Nguyên đơn đã chứng minh bằng hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy quyền và giấy nhận nợ của bên vay; trong quá trình giải quyết vụ án thì bà D và ông S thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, không đóng tiền lãi và hiện chưa trả được khoản nào. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi khi vay tiền thì các bên có lập thành hợp đồng xác định thời hạn vay là 11 tháng tính từ khi giải ngân ngày 23/6/2022. Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm là phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015, Theo hợp đồng tín dụng hạn trả nợ là 23/5/2023 đến thời điểm khởi kiện ngày 15/8/2023, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện, nên bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho bên cho vay là phù hợp với quy định tại các Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 429 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 429, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T.

Buộc chị Triệu Thanh T1, ông Triệu Phát S và bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T tổng số tiền là 252.573.271 đồng (trong đó vốn gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 18.301.370 đồng, lãi quá hạn 32.301.370 đồng và tiền chậm trả lãi là 1.970.531 đồng).

Kể từ ngày 18/6/2024 bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7404-LAV-202202228, ngày 23/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thanh T1, ông Triệu Phát S và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu là 12.629.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T cho số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 5.632.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017163, ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân